

**BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN ÁP DỤNG CHO KHTC**  
(Áp dụng từ ngày 10/07/2024)

MÃ PHÍ	STT	MỤC PHÍ	MỨC PHÍ (chưa bao gồm VAT)		
			GIAO DỊCH VND	GIAO DỊCH NGOẠI TỆ	GHI CHÚ
	<b>I</b>	<b>MỞ VÀ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN</b>			
DN1A	1	Mở các loại tài khoản thông thường (Tiền gửi thanh toán; TG không kỳ hạn; TG có kỳ hạn; Tiền vay)	Miễn phí	Miễn phí	
DN2A	2	Rút quá số dư tối thiểu (1)	50.000 VNĐ/lần phát sinh	3USD/tài khoản/lần phát sinh	
	<b>3</b>	<b>Quản lý tài khoản</b>			
DN3A	3.1	Quản lý tài khoản đồng sở hữu theo yêu cầu của khách hàng	+ Phí khởi tạo quan hệ đồng sở hữu: 100.000 VND/lần +Ngắt quan hệ đồng sở hữu: Miễn phí	+ Phí khởi tạo quan hệ đồng sở hữu: 10 USD/lần +Ngắt quan hệ đồng sở hữu: Miễn phí	
DN4A	3.2	Quản lý tài khoản thường (2)	50.000 VND/TK/tháng.	2 USD/TK/tháng.	
DN5A	3.3	Quản lý tài khoản đặc biệt theo yêu cầu của khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: TK tiền gửi chuyên dùng, tiền gửi ký quỹ theo quy định của Pháp luật, tài khoản tiền gửi đặc thù có quy định riêng về sản phẩm (nếu có))	Theo thoả thuận Tối thiểu 100.000 VND/tháng/1 tài khoản	Theo thoả thuận Tối thiểu 5 USD/tháng/1 tài khoản	
DN6A	3.4	Quản lý tài khoản có HMTc (Thu một lần khi cấp HMTc thay cho phí quản lý tài khoản thông thường).	-50.000VND/tháng đối với HMTc dưới 1 tỷ đồng -100.000VND/tháng đối với HMTc từ 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng -200.000VND/tháng đối với HMTc > 5 tỷ đồng		

	<b>4</b>	<b>Đóng tài khoản theo yêu cầu của chủ tài khoản</b>			
DN7A	4.1	Đóng tài khoản theo yêu cầu của chủ tài khoản	100.000 VND	5 USD	
DN9A	<b>5</b>	<b>Phục hồi tài khoản thanh toán đã đóng</b>	Miễn phí	Miễn phí	
	<b>II</b>	<b>NỘP/RÚT TIỀN MẶT</b>			
	<b>1</b>	<b>Nộp/rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi thanh toán</b>			
	1.1	Nộp/rút tiền mặt tài khoản VND			
	1.1.1	Nộp tiền mặt vào tài khoản			
		-Nộp tiền mặt vào tài khoản cùng chi nhánh			
DN10A		+ Giao dịch nộp tiền mặt thông thường	Miễn phí		
DN11A		+ Giao dịch nộp tiền mệnh giá nhỏ (từ 5.000VND trở xuống, số lượng từ 1000 tờ trở lên)	5.000VND/1 bó Tối thiểu: 20.000VND		
DN12A		+ Giao dịch nộp tiền mặt sau giờ BIDV nộp tiền cho NHNN trên địa bàn, không áp dụng với giao dịch nộp tiền để trả nợ vay	Thu theo thỏa thuận		
DN13A		- Nộp tiền mặt vào tài khoản khác chi nhánh	0,03% x số tiền Tối thiểu: 20.000VND, tối đa 3.000.000 VND		
	1.1.2	Rút tiền mặt từ tài khoản (kể cả rút bằng séc)			
DN14A		- Rút tiền mặt cùng chi nhánh	Miễn phí		
DN15A		- Rút tiền khác chi nhánh	0,03% x số tiền rút Tối thiểu: 20.000VND, tối đa 2.000.000VND		
DN16A		- Rút tiền dưới hình thức Rút tiền mặt hoặc chuyển khoản khác chi nhánh nộp tiền/chuyển tiền trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản. (3)	0.03% x giá trị giao dịch Tối thiểu 20.000 đồng, tối đa 2.000.000 đồng		

DN17A		Rút tiền mặt cùng chi nhánh trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tài khoản nhận được ghi có (chuyển khoản từ ngân hàng khác về BIDV)	Thu theo thỏa thuận		
	1.2	Nộp/rút tiền mặt tài khoản ngoại tệ			
	1.2.1	Nộp tiền mặt vào tài khoản			
DN18A		+ Nộp lần đầu ở mức số dư tối thiểu khi mở TK		Miễn phí	
DN19A		+ USD mệnh giá lớn ( $\geq$ USD50)		0,15% x số tiền Tối thiểu: 2USD	
DN20A		+ USD mệnh giá nhỏ (<USD50)		0,3% x số tiền Tối thiểu: 2USD	
DN21A		+ Ngoại tệ khác		0,4% x số tiền Tối thiểu: 3USD	
	1.2.2	Rút tiền mặt từ tài khoản (kể cả rút bằng séc)			
DN22A		+ Lấy VND		Miễn phí	
DN24A		+ Lấy ngoại tệ khác		0,4% x số tiền Tối thiểu: 3USD	
	<b>III</b>	<b>CUNG CẤP THÔNG TIN TÀI KHOẢN</b>			
	<b>1</b>	<b>Cung cấp sao kê tài khoản</b>			
DN27A	1.1	Cung cấp sao kê tài khoản định kỳ hàng tháng qua email/trực tiếp (lưu ý thu thêm phí chuyển phát nếu có)	Miễn phí sao kê, thu phí chuyển phát nếu có		
	1.2	Cung cấp sao kê tài khoản đột xuất (qua email/trực tiếp)			
DN28A	1.2.1	Các GD $\leq$ 01 năm kể từ ngày yêu cầu	5.000 VND/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 30.000 VND	0,5USD/trang hoặc theo thỏa thuận, tối thiểu 2 USD	
DN29A	1.2.2	Các GD > 01 năm kể từ ngày yêu cầu	5.000 VND/trang hoặc theo thỏa thuận, tối thiểu 50.000 VND	0,5USD/trang hoặc theo thỏa thuận, tối thiểu 5 USD	
DN30A	1.2.3	Cung cấp sao kê theo yêu cầu đặc biệt (4)	Tối thiểu 5.000 VND/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 100.000 VND	Tối thiểu 0,5USD/trang hoặc theo thỏa thuận, tối thiểu 10 USD	

DN31A	2	<b>Gửi sao kê tài khoản qua Swift</b>	Phí tính trên số điện thực tế phát sinh theo yêu cầu của khách hàng, mức phí 50.000 VND/điện (áp dụng đối với tài khoản sao kê là TK VND)	Phí tính trên số điện thực tế phát sinh theo yêu cầu của khách hàng, mức phí 5 USD/điện (áp dụng đối với tài khoản sao kê là TK ngoại tệ)	
	3	<b>Sao lục chứng từ</b>			
DN32A	3.1	Chứng từ được lưu trong năm tài chính	30.000VND/chứng từ	2USD/chứng từ	
DN33A	3.2	Chứng từ được lưu trước năm tài chính (bao gồm cả trường hợp sao lục chứng từ với tài khoản đã đóng)	Theo thỏa thuận Mức tối thiểu: 100.000VND/chứng từ	Theo thỏa thuận Mức tối thiểu: 8USD/chứng từ	
	4	<b>Xác nhận tài khoản/số dư tài khoản</b>			
DN34A	4.1	Xác nhận số dư/tài khoản bằng văn bản (Tiếng Việt và hoặc Tiếng Anh)	+ 100.000 VND/bản đầu +10.000VND/1 bản tăng thêm	+ 5USD/bản đầu + 0,5USD/01 bản tăng thêm	
DN35A	4.2	Xác nhận ký quỹ	+ 100.000VND/bản đầu TK KKH + 200.000VND/bản đầu TK CKH + 20.000VND/01 bản tăng thêm	+ 5USD/bản đầu TK KKH + 10USD/bản đầu TK CKH + 2USD/01 bản tăng thêm	
DN36A	5	<b>Phí cấp giấy xác nhận thanh toán qua ngân hàng</b>	100.000 VND/lần xác nhận		
DN37A	6	<b>Các dịch vụ xác nhận khác</b>	+100.000 VND/bản đầu +20.000VND/1 bản tăng thêm	+ 5USD/bản đầu + 2USD/01 bản tăng thêm	
	<b>IV</b>	<b>DỊCH VỤ TÀI KHOẢN KHÁC</b>			
	1	<b>Phong tỏa</b>			
DN38A	1.1	Do sử dụng dịch vụ có liên quan tại BIDV/ Theo yêu cầu của BIDV hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền	Miễn phí	Miễn phí	
DN39A	1.2	Phong tỏa để thực hiện cầm cố vay tại TCTD khác	300.000 VND/lần/TK	15 USD/lần/TK	
DN40A	1.3	Phong tỏa vì lý do khác	50.000 VND/lần	3 USD/lần	
	2	<b>Giấy tờ có giá</b>			

	2.1	Báo mất GTCG (không cấp lại)			
DN41A	2.1.1	Báo mất và thanh toán ngay	100.000VND/tờ	5 USD/tờ	
DN42A	2.1.2	Báo mất và chưa thanh toán ngay	100.000VND/tờ	5 USD/tờ	
DN43A	2.2	Cấp lại hoặc chuyển nhượng GTCG	100.000 VND/tờ	5 USD/tờ	
DN44A	2.3	Thanh toán GTCG bị hư hỏng nhàu nát	100.000 VND/tờ	5 USD/tờ	
	3	Dịch vụ gửi chứng từ qua fax/ scan			
DN45A	3.1	Đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
DN46A	3.2	Duy trì và sử dụng dịch vụ	200.000đ/ tháng. <i>Kỳ thu phí tháng/quý/6 tháng/năm theo thỏa thuận với khách hàng</i>		
DN47A	3.3	Phạt chậm bổ sung chứng từ bản gốc	Theo thỏa thuận. Tối thiểu 50.000VND /chứng từ/lần		

### Ghi chú:

(1) Không áp dụng đối với TK có chức năng thấu chi. GDV thu phí ngay khi phát sinh giao dịch làm cho số dư TK thấp hơn số dư tối thiểu (trừ trường hợp do chính sách khách hàng được Lãnh đạo phê duyệt, thu nợ gốc, lãi, lãi phạt, thanh toán LC, thanh toán tự động)

(2) Kỳ thu phí QLTK: theo quy định của BIDV từng thời kỳ.

(3) Phí thu thêm ngoài phí rút tiền mặt/chuyển khoản/chuyển tiền (nếu có). Đồng thời, đây là mức phí phạt phải thu khi chi nhánh chưa thu phí kiểm đếm tiền mặt trong vòng 2 ngày làm việc trước khi rút tiền. Chi tiết các trường hợp thu phí:

- Khách hàng rút tiền dưới hình thức Rút tiền mặt trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản.

- Khách hàng rút tiền dưới hình thức Chuyển khoản khác chi nhánh nộp tiền trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản.

- Khách hàng rút tiền dưới hình thức Chuyển tiền đi ngân hàng khác trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản.

- Không thu phí DN15A với các giao dịch rút tiền trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt nếu hình thức rút tiền là chuyển khoản giữa hai tài khoản mở tại cùng 01 Chi nhánh.

- Chi nhánh chỉ thu phí DN15A trong trường hợp khách hàng khi nộp tiền trong 02 ngày làm việc trước đó không bị thu phí liên quan đến khoản tiền đã nộp.

(4) KH có thể yêu cầu cung cấp thông tin TK theo các nội dung mà mẫu báo cáo TK không có hoặc không đầy đủ